

Số: 439/QĐ-THYV

Yên Viên, ngày 5 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Tiểu học Yên Viên
Năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN VIÊN

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trường Tiểu học Yên Viên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Tiểu học Yên Viên năm học 2025 - 2026 (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng, các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Tiểu học Yên Viên thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Website (đăng công báo);
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Ánh Minh

Yên Viên, ngày 04 tháng 9 năm 2025

BIÊN BẢN

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Tiểu học Yên Viên Năm học 2025 - 2026

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 ngày 4 tháng 9 năm 2025 tại Trường Tiểu học Yên Viên, chúng tôi gồm:

- | | |
|--------------------------|-----------------------|
| 1. Đ/c Lê Thị Ánh Minh | - Hiệu trưởng |
| 2. Đ/c Nguyễn Minh Giang | - Phó hiệu trưởng |
| 3. Bùi Thị Thúy Hương | - Thư ký |
| 4. Đ/c Trần Thị Oanh | - TTCM khối 1,2,3 |
| 5. Đ/c Đỗ Thị Vân | - TTCM khối 4,5 |
| 6. Đ/c Đỗ Văn Anh | - Kế toán - Văn phòng |
| 7. Đ/c Nguyễn Thành Luân | - TPT Đội |

* **Nội dung:** Công khai cơ sở vật chất của trường tiểu học Yên Viên năm học 2025 – 2026.

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Chúng tôi tiến hành lập biên bản về việc niêm yết công khai cơ sở vật chất của trường Tiểu học Yên Viên năm học 2025 - 2026 dưới sự chứng kiến của các đồng chí có mặt ở trên.

Tài liệu niêm yết gồm: Biểu mẫu thông báo công khai cơ sở vật chất của trường Tiểu học Yên Viên năm học 2025 – 2026.

Biên bản kết thúc vào lúc 8 giờ 30 phút cùng ngày, có đọc lại cho tất cả mọi người cùng nghe và đều thống nhất với nội dung ghi trong biên bản./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Lãnh đạo các đoàn thể;
- Lưu: VT.

THƯ KÝ

Bùi Thị Thúy Hương

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Ánh Minh

Số: 440/TB-THYV

Yên Viên, ngày 05 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Tiểu học Yên Viên
Năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	18/18	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	18	1,59
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	6495	11,7
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3000	5,4
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	900	
2	Diện tích thư viện (m ²)	150	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	380	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	1560	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	100	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	75	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	52	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	26	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	75	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	17	17
1.1	Khối lớp 1	4	4
1.2	Khối lớp 2	3	3

1.3	Khối lớp 3	3	3
1.4	Khối lớp 4	3	3
1.5	Khối lớp 5	4	4
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	20	
5	Thiết bị khác (Máy đa vật thể)	1	
6		

	Nội dung	Số lượng(m ²)		
X	Nhà bếp	01 (260)		
XI	Nhà ăn	0		
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	10	5/5	0,4	0,4/0,4
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH (để báo cáo);
- Trường các đoàn thể (để phối hợp);
- Website (đăng công báo);
- Lưu: VP,CM.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Ánh Minh